

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025
(bản cập nhật, công bố ngày 07 tháng 5 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo

Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mã trường: QHK

3. Địa chỉ các trụ sở

TT	Loại cơ sở	Tên cơ sở	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật	G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Dùng chung	1000 m ²
2	Cơ sở 2	Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật (Cơ sở 2)	Khu đô thị Mỹ Đình I, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	Dùng chung	2348 m ²
3	Cơ sở 3	Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật (Cơ sở 3)	ĐHQGHN cơ sở Hòa Lạc	Dùng chung	705,5 m ²
4	Cơ sở 4	Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật (Cơ sở 4)	Khu ĐTM Nghĩa Đô,	Dùng chung	2080 m ²

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

Website 1: <https://sis.vnu.edu.vn> Website 2: <https://sisvnu.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 098 1290448

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh

<https://sisvnu.edu.vn/category/cu-nhan/de-an-thong-tin-tuyen-sinh/>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

https://sis.vnu.edu.vn/ba-cong-khai-2024-2025?category_id=1

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối tượng dự tuyển quy định tại mục II.1.1 phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào về chuyên môn, ngoại ngữ và các năng lực khác (nếu có) theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.3. Ngoài điều kiện tại mục II.1.2, đối tượng dự tuyển còn phải đáp ứng điều kiện xét tuyển cụ thể của từng ngành như sau:

a) Đối với các ngành Quản trị thương hiệu, Quản trị tài nguyên di sản, Quản trị đô thị thông minh và bền vững, Quản lý giải trí và sự kiện, Công nghệ truyền thông

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức tuyển sinh kết hợp sử dụng kết quả học tập THPT của 02 môn trong tổ hợp xét tuyển với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, thí sinh phải đáp ứng yêu cầu về kết quả học tập THPT theo yêu cầu sau: Đạt tối thiểu 8 điểm môn Toán **hoặc** đạt tối thiểu 15 điểm của 2 môn Toán và Ngữ văn trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

Chú ý: Không áp dụng điều kiện này với thí sinh xét tuyển vào các ngành nghệ thuật.

b) Đối với ngành Công nghệ truyền thông

Ngoài điều kiện tại **mục II.1.3.a**), thí sinh còn phải đáp ứng điều kiện về ngoại ngữ, cụ thể như sau:

Chương trình đào tạo học ngoại ngữ là tiếng Anh, chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp là bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ dành cho người Việt Nam hoặc tương đương nên thí sinh phải có năng lực tiếng Anh đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau:

- Đạt điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh từ 6,0 trở lên hoặc điểm TBC (6 học kỳ) môn tiếng Anh ở THPT đạt từ 7,0 trở lên. Áp dụng điều kiện này đối với cả thí sinh diện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế là tiếng Anh đạt từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam và đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ ngoại ngữ được ĐHQGHN quy định (*xem tại mục II.5.4.a*).

c) Đối với các ngành Kiến trúc, Thiết kế sáng tạo, Nghệ thuật thị giác

Thí sinh đăng ký xét tuyển phải dự thi năng khiếu do Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật tổ chức và đạt điểm bài thi năng khiếu từ 6,0 trở lên. Áp dụng điều kiện này đối với cả thí sinh diện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.

Thông tin về kỳ thi năng khiếu: <https://sisvnu.edu.vn/category/cu-nhan/thi-nang-khieu/>

1.4. Đối với thí sinh là người nước ngoài

Thí sinh phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN. Ngoài ra, với các ngành có thi năng khiếu, thí sinh phải dự thi năng khiếu.

2. Phương thức xét tuyển (PTXT)

Viết tắt tên ngành:

Quản trị thương hiệu:	TH	Quản lý giải trí và sự kiện:	GT
Quản trị tài nguyên di sản:	DS	Quản trị đô thị thông minh và bền vững:	ĐT
Công nghệ truyền thông:	CN	Thiết kế sáng tạo:	TK
Kiến trúc:	KT	Nghệ thuật thị giác:	NT

2.1. Mã PTXT, tên PTXT, ngành tuyển, công thức tính điểm xét tuyển (ĐXT) và điều kiện nộp hồ sơ (ĐK nộp HS)

Ghi chú: ĐK nộp hồ sơ hay còn gọi là ngưỡng đầu vào của từng PTXT dưới đây bao gồm các điều kiện chung đã nêu tại mục 1.2, 1.3 và các điều kiện riêng của từng PTXT được mô tả trong các bảng dưới đây.

a) Phương thức 1: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông

- Mã PTXT: **100**

Tên PTXT	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp (TTN) trung học phổ thông (THPT) năm 2025 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển (THXT)
Ngành tuyển	CN, DS, ĐT, GT, TH
ĐXT	Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm UT + Điểm thưởng (*) (Môn 1: Toán hoặc Văn)
ĐK nộp HS	- Đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do ĐHQGHN và Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật quy định theo năm dự tuyển.

(*) Xem thông tin chi tiết tại **mục II.5.2**

- Mã PTXT: 405

Tên PTXT	Xét tuyển bằng kết quả thi năng khiếu (MNK) và kết quả TTN THPT năm 2025 của 02 môn trong THXT
Ngành tuyển	KT, NT, TK
ĐXT	$[(MNK * 2) + \text{Môn 2} + \text{Môn 3}] * 3/4 + \text{Điểm UT} + \text{Điểm thưởng}^{(*)}$
ĐK nộp HS	- Đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do ĐHQGHN và Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật quy định theo năm dự tuyển. - Có kết quả thi của 01 trong 03 bài thi Năng khiếu do Trường tổ chức.

(*) Xem thông tin chi tiết tại **mục II.5.2**

b) Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập THPT 6 học kỳ (THPT 6 HK)

- Mã PTXT: 410

Tên PTXT	Xét tuyển kết hợp THPT 6 HK của 02 môn trong THXT (TBC 2 môn) với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - CCNN (**)
Ngành tuyển	CN, DS, ĐT, GT, TH
ĐXT	$[(CCNN*60\%) + (\text{TBC 2 môn}*40\%)]*3 + \text{Điểm UT} + \text{Điểm thưởng}^{(*)}$
ĐK nộp HS	- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (tiếng Anh, Pháp, Trung) còn hạn 02 năm tính từ ngày dự thi tới ngày đăng ký xét tuyển; - Đảm bảo đúng loại chứng chỉ ngoại ngữ và ngưỡng đầu vào theo quy định của ĐHQGHN (xem tại Phụ lục 3) - Điểm trung bình chung học tập bậc THPT của 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn) đạt từ 8,0 trở lên, điểm từng học kỳ của 2 môn đó phải đạt từ 7,0 trở lên; - Đạt tối thiểu 8 điểm môn Toán hoặc điểm 2 môn (Toán, Ngữ văn) đạt tối thiểu 15 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

(*) Xem thông tin chi tiết tại **mục II.5.2** (**) Xem thông tin chi tiết tại **mục II.5.4**

- Mã PTXT: 406

Tên PTXT	Xét tuyển kết hợp THPT 6 HK của 02 môn trong THXT (TBC 2 môn) với kết quả thi năng khiếu – MNK
Ngành tuyển	KT, NT, TK
ĐXT	$[(MNK*60\%) + (\text{TBC 2 môn}*40\%)]*3 + \text{Điểm UT} + \text{Điểm thưởng}^{(*)}$
ĐK nộp HS	- Có kết quả thi năng khiếu do Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật tổ chức theo đúng ngành xét tuyển; - Điểm trung bình chung học tập bậc THPT của 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn) đạt từ 7,0 trở lên.

(*) Xem thông tin chi tiết tại **mục II.5.2**

c) Phương thức 3: Sử dụng điểm thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN đã quy đổi theo thang điểm chung (HSA quy đổi – xem tại **mục II.5.4**)

- Mã PTXT: **401** (với các ngành quản trị)

Tên PTXT	Xét tuyển kết quả thi HSA quy đổi
Ngành tuyển	CN, DS, ĐT, GT, TH
ĐXT	Điểm HSA quy đổi + Điểm UT + Điểm thưởng (*)
ĐK nộp HS	- Có kết quả bài thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức trong vòng 2 năm kể từ ngày dự thi và đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định.

(*) Xem thông tin chi tiết tại **mục II.5.2**

- Mã PTXT: **401** (với các ngành nghệ thuật)

Tên PTXT	Xét tuyển kết quả thi HSA quy đổi với MNK
Ngành tuyển	KT, NT, TK
ĐXT	(Điểm HSA quy đổi + MNK) *3/4 + Điểm UT + Điểm thưởng (*)
ĐK nộp HS	- Có kết quả bài thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức trong vòng 2 năm kể từ ngày dự thi và đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định; - Có kết quả thi năng khiếu do Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật tổ chức theo đúng ngành xét tuyển;

(*) Xem thông tin chi tiết tại **mục II.5.2**

d) Phương thức 4: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Mã PTXT	Tên PTXT	Nguyên tắc xét tuyển	Ngành tuyển
301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	- Đáp ứng yêu cầu tại mục 7 - Xét theo điểm quy đổi thành tích của thí sinh và lấy từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu	CN DS ĐT
	Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT	- Đáp ứng yêu cầu tại mục 7 - Thí sinh được ưu tiên bằng hình thức cộng điểm thưởng vào điểm xét tuyển. Mức điểm thưởng xem tại mục II.5.2	GT TH KT NT TK
303	Xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQGHN	- Đáp ứng yêu cầu tại mục 7 - Xét theo điểm quy đổi thành tích của thí sinh và lấy từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu	CN DS ĐT

Mã PTXT	Tên PTXT	Nguyên tắc xét tuyển	Ngành tuyển
	Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN	- Đáp ứng yêu cầu tại mục 7 - Thí sinh được ưu tiên bằng hình thức cộng điểm thưởng vào điểm xét tuyển. Mức điểm thưởng xem tại mục II.5.2	GT TH KT NT TK

2.2. Thông tin về tổ hợp xét tuyển theo từng chương trình đào tạo như sau:

Ngành	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
Quản trị thương hiệu	Văn, Toán, Ngoại ngữ; Văn, Toán, Lý; Văn, Toán, Hóa; Văn, Toán, Địa; Văn, Toán, Sử; Văn, Toán, KTPL;	D01, D03, D04; C01; C02; C04; C03; X01;
Quản lý giải trí và sự kiện	Văn, Ngoại ngữ, Địa; Văn, Ngoại ngữ, Sử; Văn, Ngoại ngữ, KTPL; Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Ngoại ngữ; Toán, Ngoại ngữ, Địa Toán, Ngoại ngữ, Sử Toán, Ngoại ngữ, KTPL	D15, D44, D45; D14, D64, D65; X78 (Anh), X86 (Pháp), X90 (Trung); A00; A01, D29, D30; D10, D19, D20; D09, D39, D40; X25 (Anh), X33 (Pháp), X37 (Trung)
Quản trị tài nguyên di sản	Văn, Sử, Địa Văn, Địa, Ngoại ngữ Văn, Địa, KTPL Văn, Sử, Ngoại ngữ Văn, Sử, KTPL Văn, Toán, Ngoại ngữ Văn, Toán, Địa Văn, Toán, Sử Văn, Toán, KTPL Văn, Ngoại ngữ, KTPL Toán, Lý, Ngoại ngữ	C00; D15, D44, D45; X74; D14, D64, D65; X70; D01, D03, D04; C04; C03; X01; X78 (Anh), X86 (Pháp), X90 (Trung); A01, D29, D30;

Ngành	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
Quản trị đô thị thông minh và bền vững	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Địa Toán, Lý, Tin Toán, Lý, Công nghệ Toán, Lý, Ngoại ngữ Toán, Văn, Địa Toán, Văn, Ngoại ngữ Toán, Địa, Công nghệ Toán, Địa, Ngoại ngữ Toán, Địa, Tin Toán, Hóa, Ngoại ngữ	A00; A04; X06; X07; A01 (Anh), D29 (Pháp), D30 (Trung); C04; D01; D03, D04; X23; D10, D19, D20; X22; D07, D24, D25
Công nghệ truyền thông	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tin Toán, Lý, Công nghệ Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Anh, Công nghệ Toán, Anh, Địa Toán, Anh, Tin Toán, Anh, KTPL	A00; X06; X07; A01; D07; D01; X27; D10; K01; X25
Kiến trúc và Thiết kế cảnh quan	Toán, Lý, Năng khiếu Toán, Văn, Năng khiếu Toán, Ngoại ngữ, Năng khiếu Toán, Địa, Năng khiếu Toán, Hóa, Năng khiếu	V00; V01; V02 (Anh), V10 (Pháp), V11 (Trung); V06; V03;
Thiết kế sáng tạo	Văn, Toán, Năng khiếu Toán, Anh, Năng khiếu Văn, Ngoại ngữ, Năng khiếu Văn, Sử, Năng khiếu Văn, Địa, Năng khiếu Toán, Lý, Năng khiếu	H01; H04; H06 (Anh), H10 (Pháp), H11 (Trung); H08; H09; V00
Nghệ thuật thị giác	Văn, Toán, Năng khiếu Văn, Ngoại ngữ, Năng khiếu Văn, Sử, Năng khiếu Văn, Địa, Năng khiếu	H01; H06 (Anh), H10 (Pháp), H11 (Trung); H08; H09;

* Lưu ý: *Năng khiếu* trong tổ hợp xét tuyển của các ngành có tên đầy đủ như sau:

- Kiến trúc: Năng khiếu nghệ thuật
- Thiết kế sáng tạo: Năng khiếu mỹ thuật,
- Nghệ thuật thị giác: Năng khiếu nghệ thuật thị giác

Các bài thi đều do Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - ĐHQGHN tổ chức.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy đổi ngưỡng đầu vào: Công bố theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN. Đối với phương thức xét tuyển kết hợp (401, 406, 410), ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ của từng đối tượng trong mỗi phương thức xét tuyển.

3.2. Quy đổi điểm trúng tuyển: Công bố theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

Lưu ý: Công bố tại trang thông tin tuyển sinh <https://sisvnu.edu.vn> của Trường.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình...xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chi tiêu	Phương thức tuyển sinh (mã PTXT)
1.	7349001	Quản trị thương hiệu	7349001	Quản trị thương hiệu	240	- Phương thức 1 (100) - Phương thức 2 (410) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)
2.	7349002	Quản lý giải trí và sự kiện	7349002	Quản lý giải trí và sự kiện	240	- Phương thức 1 (100) - Phương thức 2 (410) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)
3.	7900205	Quản trị tài nguyên di sản	7900205	Quản trị tài nguyên di sản	110	- Phương thức 1 (100) - Phương thức 2 (410) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)
4.	7900204	Quản trị đô thị thông minh và bền vững	7900204	Quản trị đô thị thông minh và bền vững	105F	- Phương thức 1 (100) - Phương thức 2 (410) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)
5.	7580101A	Kiến trúc và Thiết kế cảnh quan	7580101	Kiến trúc	75	- Phương thức 1 (405) - Phương thức 2 (406) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình...xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh (mã PTXT)
6.	7210407A	<i>Thời trang và sáng tạo</i>	7210407	Thiết kế sáng tạo	60	- Phương thức 1 (405) - Phương thức 2 (406) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)
7.	7210407B	<i>Thiết kế nội thất bền vững</i>	7210407	Thiết kế sáng tạo	110	- Phương thức 1 (405) - Phương thức 2 (406) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)
8.	7210407C	<i>Đồ họa công nghệ số</i>	7210407	Thiết kế sáng tạo	110	- Phương thức 1 (405) - Phương thức 2 (406) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)
9.	72101a1A	<i>Nhiếp ảnh nghệ thuật</i>	72101a1	Nghệ thuật thị giác	30	- Phương thức 1 (405) - Phương thức 2 (406) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)
10.	72101a1B	<i>Nghệ thuật tạo hình đương đại</i>	72101a1	Nghệ thuật thị giác	20	- Phương thức 1 (405) - Phương thức 2 (406) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)
11.	7320106	Công nghệ truyền thông	7320106	Công nghệ truyền thông	100	- Phương thức 1 (100) - Phương thức 2 (410) - Phương thức 3 (301, 303) - Phương thức 4 (401)

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

a) Trong xét tuyển các ngành quản trị:

Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển **lần lượt** theo các tiêu chí phụ như sau:

- Thí sinh nào có thứ tự nguyện vọng cao hơn thì trúng tuyển;
- Thí sinh nào có điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán cao hơn thì trúng tuyển.

b) Trong xét tuyển các ngành nghệ thuật

Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển **lần lượt** theo các tiêu chí phụ như sau:

- Thí sinh nào có thứ tự nguyện vọng cao hơn thì trúng tuyển;
- Thí sinh nào có điểm thi năng khiếu cao hơn thì trúng tuyển.

5.2. Điểm ưu tiên, điểm thưởng

a) Nguyên tắc:

- Điểm ưu tiên (đối tượng, khu vực) thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN (xem **Phụ lục 1**).
- Điểm thưởng áp dụng cho thí sinh có thành tích đặc biệt **hoặc** có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế nhưng **không sử dụng** chính thành tích **hoặc** chứng chỉ đó cho nội dung của phương thức xét tuyển.

Ví dụ: Thí sinh xét tuyển bằng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp với kết quả học tập THPT thì không được cộng điểm thưởng vào điểm xét tuyển.

- Tổng số điểm cộng (gồm điểm ưu tiên, điểm thưởng) không quá 10% tổng điểm tối đa. Tổng điểm xét tuyển tối đa (gồm cả điểm ưu tiên, điểm thưởng) không quá 30 điểm.

b) Điểm thưởng cho thí sinh có thành tích đặc biệt nhưng **không dùng quyền xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển để tính điểm xét tuyển**

Thực hiện theo hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy của Đại học Quốc gia Hà Nội sau khi chính thức được ban hành.

c) Điểm thưởng cho thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để tính điểm xét tuyển

Điểm thưởng với các tổ hợp xét tuyển không có môn ngoại ngữ cho các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS tối thiểu 5.5, TOEFL iBT tối thiểu 72 điểm hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác được Bộ GDĐT chấp nhận (xem **Phụ lục 3**), đạt trình độ tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, mức điểm thưởng cụ thể như sau:

- Bậc 6: cộng tối đa 2,0 điểm;
- Bậc 5: cộng tối đa 1,5 điểm;
- Bậc 4: cộng tối đa 1,0 điểm.

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo

Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật tuyển sinh theo ngành/chương trình đào tạo từ đầu khóa học, không thực hiện việc phân ngành, chương trình đào tạo sau nhập học.

5.4. Thông tin khác

a) Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ để tính điểm xét tuyển

Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem **Phụ lục 3**), được quy đổi như một môn trong tổ hợp xét tuyển với trọng số tính điểm xét không vượt quá 50%.

b) Điểm quy đổi kết quả thi HSA để tính điểm xét tuyển vào ngành nghệ thuật

Áp dụng công thức quy đổi điểm HSA theo thang điểm 30 được quy định tại **mục 3**.

5.5. Thí sinh diện cử tuyển, dự bị đại học và thí sinh là người nước ngoài

a) Thí sinh diện cử tuyển

- Tiêu chuẩn dự tuyển:

- + Thường trú từ 05 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người trực tiếp nuôi dưỡng sống tại vùng này;
- + Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển đối với các ngành, nghề có yêu cầu sơ tuyển;
- + Không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.
- + Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- + Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt;
- + Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại khá trở lên;
- + Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.
- Chỉ tiêu cử tuyển theo phân bổ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN.

b) Thí sinh diện dự bị đại học

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 8

- Điều kiện tiếp nhận hồ sơ

+ Đối với các ngành Quản trị thương hiệu, Quản lý giải trí và sự kiện, Quản trị tài nguyên di sản, Quản trị đô thị thông minh và bền vững, thí sinh cần đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Học lực bậc THPT đạt từ loại Khá trở lên; Hạnh kiểm đạt từ loại Khá trở lên;
- ✓ Điểm trung bình chung môn ngoại ngữ ở bậc THPT đạt từ 8.0 trở lên;

- ✓ Tổng điểm thi THPT năm 2024 (3 môn trong tổ hợp xét tuyển của từng ngành) đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của ngành (*chi tiết tại **Phụ lục 2***);
- + Đối với các ngành Thiết kế sáng tạo, Kiến trúc và Nghệ thuật thị giác, thí sinh cần đáp ứng các điều kiện của ngưỡng bảo đảm chất lượng như sau:
- ✓ Học lực bậc THPT đạt từ loại Khá trở lên; Hạnh kiểm đạt từ loại Khá trở lên;
 - ✓ Điểm trung bình chung môn ngoại ngữ ở bậc THPT đạt từ 7.0 trở lên;
 - ✓ Tổng điểm thi THPT năm 2024 (3 môn trong tổ hợp xét tuyển của từng ngành) đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của ngành (*chi tiết tại **Phụ lục 2***);
 - ✓ Có kết quả bài thi năng khiếu do Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, tổ chức năm 2024. Trường hợp chưa có thì có thể dự thi năng khiếu năm 2025 nhưng phải có kết quả trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định.

c) Thí sinh là người nước ngoài

- Tiêu chuẩn dự tuyển:

- + Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương (được Việt Nam công nhận), đáp ứng yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN;
 - + Có đủ trình độ tiếng Việt đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo dự tuyển, cụ thể đáp ứng một trong các yêu cầu sau:
 - ✓ Có chứng chỉ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.
 - ✓ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành tiếng Việt.
 - ✓ Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông/trung cấp/cao đẳng/đại học/thạc sĩ/tiến sĩ mà ngôn ngữ sử dụng trong học tập là tiếng Việt.
 - + Có đủ sức khoẻ để học tập, nghiên cứu tại Việt Nam. Sau khi đến Việt Nam, lưu học sinh phải kiểm tra sức khoẻ tại bệnh viện ĐHQGHN hoặc tại cơ sở y tế do Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật chỉ định. Trường hợp mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không đủ sức khoẻ để học tập thì phải về nước.
 - + Có đủ khả năng về tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu, thực tập và sinh hoạt tại Việt Nam trong thời gian học tập tương ứng;
 - + Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, không vi phạm pháp luật của Việt Nam và nước sở tại; cam kết nhập cảnh đúng mục đích học tập.
 - Đăng ký xét tuyển nộp hồ sơ với bản photocopy các tài liệu sau đây: Hộ chiếu, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương (kèm theo bảng điểm), chứng chỉ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc tương đương, giấy khám sức khỏe, chứng minh tài chính, sơ yếu lý lịch.
- Sau khi đã được hỗ trợ của bộ phận tuyển sinh của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, thí sinh nộp hồ sơ theo đúng yêu cầu do ĐHQGHN quy định.

- Hỗ trợ đăng ký xét tuyển: Liên hệ phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục (thư điện tử: assure@vnu.edu.vn)

6. Tổ chức tuyển sinh

- Thí sinh thực hiện theo hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc khai báo hồ sơ, đăng ký xét tuyển.

- Lịch trình tuyển sinh chi tiết được thông báo sau khi có hướng dẫn tuyển sinh chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN.

- Thi năng khiếu theo kế hoạch của Trường có tại trang <https://sisvnu.edu.vn>

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Nguyên tắc:

- Tiêu chí tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN. Thí sinh xem chi tiết tiêu chí quy định tại các quy chế đăng tại: <https://sisvnu.edu.vn/category/cu-nhan/de-an-thong-tin-tuyen-sinh/>

- Tuyển thẳng không giới hạn số lượng. Tổng chỉ tiêu xét tuyển thẳng không quá 3% tổng chỉ tiêu của ngành với môn thi/nội dung đề tài dự thi được quy định dưới đây và đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định tại **mục II.1, mục II.2.1** cho từng ngành.

7.2. Danh sách ngành áp dụng chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

a) Xét tuyển thẳng

TT	Môn thi/ Đề tài dự thi	Ngành tuyển
1	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí - Đề tài dự thi KHKT phù hợp 	Quản trị thương hiệu
2	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí - Đề tài dự thi KHKT phù hợp 	Quản trị tài nguyên di sản
3	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí - Đề tài dự thi KHKT phù hợp 	Quản lý giải trí và Sự kiện

TT	Môn thi/ Đề tài dự thi	Ngành tuyển
4	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Địa lí - Vật lí - Hóa học - Tin học - Đề tài dự thi KHKT phù hợp 	Quản trị đô thị thông minh và bền vững
5	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Ngữ văn - Tin học - Năng khiếu mỹ thuật - Đề tài dự thi KHKT phù hợp 	Thiết kế sáng tạo
6	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Ngữ văn - Tin học - Năng khiếu mỹ thuật - Đề tài dự thi KHKT phù hợp 	Kiến trúc
7	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Ngữ văn - Năng khiếu Mỹ thuật - Đề tài dự thi KHKT phù hợp 	Nghệ thuật thị giác
8	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học - Vật lí - Hóa học - Tin học - Đề tài dự thi KHKT phù hợp 	Công nghệ truyền thông

b) Ưu tiên xét tuyển:

Chi tiết xem tại **Phụ lục 5**

8. Lệ phí xét tuyển

TT	Phương thức xét tuyển/thi tuyển	Lệ phí
1	Lệ phí tuyển sinh cho phương thức sử dụng điểm thi THPT (theo quy định của Bộ GD&ĐT)	20.000đ/ nguyện vọng
2	Lệ phí xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển kết hợp (không giới hạn số nguyện vọng)	30.000đ/ nguyện vọng

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trong các trường hợp rủi ro (ngoại trừ rủi ro vì thiên tai, dịch bệnh hoặc rủi ro bất khả kháng khác), Trường cam kết giải quyết các khiếu nại trên một cách khách quan, trung thực để bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh và của cơ sở đào tạo theo đúng quy

định hiện hành của Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế tuyển sinh đại học chính quy tại ĐHQGHN.

10. Thông tin khác

10.1. Học phí

- Học phí được tính theo tháng, hoặc theo tín chỉ với các mức như sau:

TT	Ngành	Số tín chỉ	Mức học phí/ 01 tín chỉ	Mức học phí/ 01 tháng
1	Quản trị thương hiệu	145 (Khối ngành III)	875.000	3.180.000
2	Quản lý giải trí và sự kiện	145 (Khối ngành III)	875.000	3.180.000
3	Quản trị đô thị thông minh và bền vững	150 (Khối ngành V)	845.000	3.180.000
4	Quản trị tài nguyên di sản	146 (Khối ngành III)	870.000	3.180.000
5	Kiến trúc	170 (Khối ngành V)	935.000	3.180.000
6	Thiết kế sáng tạo	148 (Khối ngành II)	820.000	3.040.000
7	Nghệ thuật thị giác	148 (Khối ngành II)	820.000	3.040.000
8	Công nghệ truyền thông	147 (Khối ngành III)	865.000	3.180.000

*** Mức học phí trên áp dụng cho năm học 2025 - 2026, nếu tăng sẽ theo lộ trình của ĐHQGHN và quy định của Nhà nước và được cập nhật công khai.*

- Sinh viên diện dự bị đại học, cử tuyển nộp học phí đầy đủ theo chính sách học phí của Trường và được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

10.2. Học bổng

Học bổng dưới đây dành cho thí sinh trúng tuyển và nhập học, cam kết học tập tại Trường theo ngành đã trúng tuyển. Ngoài ra, trong quá trình học tập, sinh viên được xét cấp học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ từ nước ngoài/doanh nghiệp/cá nhân hảo tâm theo quy định hiện hành.

a) Học bổng “Tinh hoa liên ngành”

TT	Ngành đào tạo	Số lượng	Mức học bổng	Tổng tiền (triệu đồng)
1	Tất cả các ngành	01	Sinh viên đạt 1 trong 2 điều kiện sau: 1. Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT xét theo tổ hợp vào ngành đúng theo mục II.2.2 đạt 30 điểm (không tính điểm ưu tiên) 2. Đạt mức từ 140 điểm trong kì thi đánh giá năng lực HSA của ĐHQGHN năm 2025	100

Ghi chú: Thí sinh nhận học bổng “Tinh hoa liên ngành” không xét học bổng đầu vào.

b) Học bổng đầu vào (dự kiến)

TT	Ngành đào tạo	Mức học bổng
1	Quản trị thương hiệu	10 triệu mỗi suất cho sinh viên có điểm đầu vào cao nhất ngành
2	Quản lý giải trí và sự kiện	10 triệu mỗi suất cho sinh viên có điểm đầu vào cao nhất ngành
3	Quản trị đô thị thông minh và bền vững	10 triệu mỗi suất cho sinh viên có điểm đầu vào cao nhất ngành
4	Quản trị tài nguyên di sản	10 triệu mỗi suất cho sinh viên có điểm đầu vào cao nhất ngành
5	Kiến trúc	10 triệu mỗi suất cho sinh viên có điểm đầu vào cao nhất ngành
6	Thiết kế sáng tạo	10 triệu mỗi suất cho sinh viên có điểm đầu vào cao nhất ngành
7	Nghệ thuật thị giác	10 triệu mỗi suất cho sinh viên có điểm đầu vào cao nhất ngành
8	Công nghệ truyền thông	10 triệu mỗi suất cho sinh viên có điểm đầu vào cao nhất ngành
9	Thủ khoa toàn khóa	20 triệu cho 01 sinh viên có điểm đầu vào cao nhất toàn Trường

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình... xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1.	7349001	Quản trị thương hiệu	7349001	Quản trị thương hiệu	100	180	219	A00: 24.17 A01: 24.20 C00: 26.13 D01: 24.70 D03: 24.60 D04: 25.02	210	244	A00: 25.15 A01: 25.05 C00: 27.83 D01: 25.36 D03: 25.15 D04: 25.29
					301			30.00			30.00
					303			26.15			27.50
					401			18.20			18.00
					408			25.50			
					409			24.68			26.05
					410			26.00			25.80
2.	7349002	Quản lý giải trí và sự kiện	7349002	Quản lý giải trí và sự kiện	100	180	219	A00: 24.35 A01: 24.06 C00: 25.73 D01: 24.30 D03: 24.00 D04: 24.44	215	240	A00: 25.10 A01: 25.01 C00: 27.58 D01: 25.36 D03: 25.68 D04: 25.36
					301			30.00			30.00
					303			25.50			27.58
					401			17.60			18.30
					408			25.50			
					409			24.56			26.25
					410			26.00			26.25

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình... xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024		
						Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
3.	7900205	Quản trị tài nguyên di sản	7900205	Quản trị tài nguyên di sản	100	120	87	A01: 22.45 C00: 23.48 D01: 22.20 D03: 22.00 D04: 24.40 D78: 22.42	90	122	A01: 24.10 C00: 26.38 D01: 24.12 D03: 24.30 D04: 24.30 D78: 24.98
					301			30.00			
					303			25.15			
					401			16.00			
					408			23.60			
					409			25.11			
					410			24.60			
4.	7900204	Quản trị đô thị thông minh và bền vững	7900204	Quản trị đô thị thông minh và bền vững	100	120	76	A00: 23.05 A01: 23.15 D01: 22.00 D03: 24.05 D04: 24.65 D07: 22.20	90	116	A00: 23.14 A01: 23.47 D01: 24.07 D03: 23.50 D04: 24.40 D07: 23.10
					301			30.00			
					303			25.15			
					401			16.00			
					408			23.60			
					409			26.46			
					410			24.60			

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình... xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024				
						Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		
5.	7210407A	<i>Thời trang và sáng tạo</i>	7210407	Thiết kế sáng tạo	40	43	40	43	405	23.5	50	51	23.44
									406	23.00			23.14
									301				
									303	25.85			
									401	20.30			
									408	23.50			
									409	24.00			23.48
									410	25.45			24.87
6.	7210407B	<i>Thiết kế nội thất bền vững</i>	7210407	Thiết kế sáng tạo	40	68	40	68	405	23.85	90	92	23.95
									406	23.00			23.40
									301				
									303	25.85			
									401	20.30			18.57
									408	23.50			
									409	24.24			24.00
									410	25.45			25.00

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình... xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			
						Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
7.	7210407C	Đồ họa công nghệ số	7210407	Thiết kế sáng tạo	405	70	75	24.38	90	95	25.76	
					406			25.80			24.27	
					301						27.34	
					303			25.85			27.55	
					401			20.30			17.40	
					408			26.00				
					409			24.51			24.29	
					410			25.45			25.13	
8.	7580101A	Kiến trúc và Thiết kế cảnh quan	7580101	Kiến trúc	405				70	44	22.10	
					406						23.78	
					301							
					303							
					401						17.30	
					409							
					410							24.06

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình... xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			
						Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
9.	72101a1A	Nhiếp ảnh nghệ thuật	72101a1	Nghệ thuật thị giác	405	/	30	26	22.18			
					406				23.25			
					301							
					303							
					401							
					409							
					410				25.23			
10.	72101a1B	Nghệ thuật tạo hình đương đại	72101a1	Nghệ thuật thị giác	405				/	15	11	23.00
					406							22.49
					301							
					303							
					401							
					409							
					410							26.04

Cán bộ tuyển sinh:

- Họ và tên: Trần Việt Tùng
- Số điện thoại: 0365159786
- Email: tuyensinhliennganh@vnu.edu.vn, tranviettung@vnu.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG**Nguyễn Văn Hiệu**

PHỤ LỤC 1

ƯU TIÊN ĐỐI TƯỢNG, ƯU TIÊN KHU VỰC TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

Cập nhật sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội chính thức ban hành hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2025./.

PHỤ LỤC 2
THÔNG TIN DÀNH CHO THÍ SINH ĐIỆN DỰ BỊ ĐẠI HỌC

1. Bảng tổ hợp xét tuyển các ngành năm 2024

Ngành	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
Quản trị thương hiệu	Văn, Toán, Ngoại ngữ*; Văn, Sử, Địa;	D01, D03, D04; C00;
Quản lý giải trí và sự kiện	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh;	A00; A01;
Quản trị tài nguyên di sản	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Ngoại ngữ Văn, KHXH, Anh Toán, Lý, Anh	C00; D01, D03, D04; D78; A01;
Quản trị đô thị thông minh và bền vững	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Ngoại ngữ Toán, Văn, Ngoại ngữ Toán, Hóa, Ngoại ngữ	A00; A01; D01, D03, D04; D07;
Kiến trúc	Toán, Lý, Năng khiếu** Toán, Văn, Năng khiếu Toán, Ngoại ngữ, Năng khiếu Toán, Hóa, Năng khiếu	V00; V01; V02, V10, V11; V03;
Thiết kế sáng tạo	Văn, Toán, Năng khiếu Toán, Anh, Năng khiếu Văn, KHXH, Năng khiếu Văn, Ngoại ngữ, Năng khiếu	H01; H04; H05; H06;
Nghệ thuật thị giác	Văn, Toán, Năng khiếu Văn, KHXH, Năng khiếu Văn, Ngoại ngữ, Năng khiếu Văn, Sử, Năng khiếu	H01; H05; H06; H08;

Ghi chú:

(*) Ngoại ngữ: là một trong các thứ tiếng Anh, Pháp, Trung.

(**) Năng khiếu: được hiểu là các bài thi năng khiếu bao gồm: Năng khiếu mỹ thuật (ngành Thiết kế sáng tạo); Năng khiếu nghệ thuật (ngành Kiến trúc); Năng khiếu nghệ thuật thị giác (ngành Nghệ thuật thị giác).

2. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào năm 2024

TT	Mã ngành	Tên ngành	Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào
1	7349001	Quản trị thương hiệu	23
2	7349002	Quản lý giải trí và sự kiện	23
3	7900205	Quản trị tài nguyên di sản	21
4	7900204	Quản trị đô thị thông minh và bền vững	21
5	7210407	Thiết kế sáng tạo	21
6	7580101A	Kiến trúc và thiết kế cảnh quan	21
7	7219003	Nghệ thuật thị giác	21

PHỤ LỤC 3
CÁC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ SỬ DỤNG TRONG TUYỂN SINH

Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu (*)	Đơn vị cấp chứng chỉ
Tiếng Anh	IELTS 5.5 điểm (Academic)	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
	TOEFL iBT 72 điểm	Educational Testing Service (ETS)
	B2 (Vstep 3-5)	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN
Tiếng Nga	TRKI-2	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
Tiếng Pháp	- TCF 400 điểm - DELF B2	Trung tâm Nghiên cứu Su phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP)
Tiếng Trung Quốc	HSK và HSKK cấp độ 4	- Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Hanban); - Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese)
Tiếng Đức	- DSH B2 - TestDaF B2 - Goethe-Zertifikat B2 - DSD B2 - TELC B2 - ÖSD Zertifikat B2	- Các trường đại học Đức - Viện TestDaF - Viện Goethe (Goethe-Institut) - KMK (Hội đồng Bộ trưởng văn hóa, giáo dục của Liên bang và các bang CHLB Đức) - TELC B2 (TELC GmbH) - Hiệp hội ÖSD (Cộng hòa Áo)
Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
Tiếng Hàn	TOPIK II cấp độ 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (KICE)

(*) Chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng, trừ các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác tiếng Anh có 3 kỹ năng được công nhận là TOPIK (tiếng Hàn), JLPT (tiếng Nhật), TCF (Tiếng Pháp); Điểm tối thiểu từng kỹ năng là 5 (theo thang điểm 10);

- ĐHQGHN không chấp nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online.

- Thang quy đổi điểm cho các chứng chỉ ngoại ngữ như một môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng với bảng quy đổi điểm chứng chỉ tại Phụ lục 4./.

PHỤ LỤC 4**BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ SANG THANG ĐIỂM 10**

Các ngoại ngữ được sử dụng trong tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật là tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung.

Lưu ý: Trong tổ chức đào tạo thì các chương trình đào tạo có quy định cụ thể về ngoại ngữ được giảng dạy. Ví dụ, ngành Công nghệ truyền thông học ngoại ngữ chỉ là tiếng Anh.

Tiếng Anh		Tiếng Trung	Tiếng Pháp		ĐIỂM QUY ĐỔI
IELTS	TOEFL	HSK	TCF	DELF	
5.5	72-78				8,5
6.0	79-87	HSK 4			9,0
6.5	88-95		Niveau 4	B2	9,5
7.0-9.0	96-120	HSK5 trở lên		C1 trở lên	10

PHỤ LỤC 5
XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN HỌC SINH THPT
VÀO BẬC ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Thực hiện theo *dự thảo* hướng dẫn dưới đây của Đại học Quốc gia Hà Nội. Nội dung tiếp tục cập nhật khi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội chính thức ban hành hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2025:

1. Xét tuyển thăng và ưu tiên xét tuyển các đối tượng được quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT;

2. Học sinh THPT trên toàn quốc được ***ưu tiên xét tuyển*** vào bậc đại học tại ĐHQGHN theo chương trình, ngành đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải (môn đoạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đoạt giải phù hợp với chương trình, ngành đào tạo) nếu tốt nghiệp THPT, có kết quả học tập cả 3 năm cấp THPT được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- b) Đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- c) Đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

3. Ngoài các đối tượng quy định tại mục 2 Phụ lục này, học sinh THPT thuộc ĐHQGHN tham gia Chương trình VNU 12+ và tích lũy trước tối thiểu 03 học phần trong chương trình đào tạo đại học trong đó có tối thiểu từ 02 học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành hoặc khối kiến thức ngành và các tiêu chí khác tại Quyết định số 2008/QĐ-ĐHQGHN ban hành ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành Quy định đào tạo thí điểm Chương trình ươm tạo tài năng từ bậc THPT tại ĐHQGHN được ưu tiên xét tuyển vào bậc đại học theo chương trình, ngành đào tạo phù hợp..

Thí sinh đạt tiêu chí quy định tại Phụ lục này trong các năm học THPT được bảo lưu kết quả khi xét tuyển thăng, ưu tiên xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN (trong thời gian 3 năm tính từ thời điểm đoạt giải đến khi đăng ký xét tuyển);

Các đơn vị đào tạo quy định cụ thể các tiêu chí, nguyên tắc xét tuyển dựa trên kết quả học tập, thứ tự ưu tiên xét tuyển theo kết quả cuộc thi, giải thưởng thí sinh đạt được và các tiêu chí phụ khác (nếu có).

4. Hướng dẫn xét tuyển

4.1. Đối với xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT:

- Đơn vị đào tạo quy định cụ thể các chương trình, ngành đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải;
- Các đơn vị thông báo cho thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển để thí sinh có đủ thông tin và chủ động trong việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống;
- Tất cả các thí sinh trúng tuyển thẳng phải được đưa lên Hệ thống để xử lý nguyện vọng theo lịch chung.

4.2. Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo mẫu của Bộ GDĐT được quy định tại Hướng dẫn tuyển sinh năm 2025 (*không giới hạn số nguyện vọng*) về các đơn vị đào tạo theo hướng dẫn của đơn vị.

4.3. Đối với các thí sinh quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế tuyển sinh dự tuyển vào các chương trình, ngành đào tạo theo nguyện vọng (*không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng*), đơn vị đào tạo có thể cộng điểm nhưng không quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (thang điểm 30), cụ thể:

- Giải nhất HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **3.0** điểm;
- Giải nhì HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2.5** điểm;
- Giải ba HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2.0** điểm.

*Đối với các thí sinh quy định tại **khoản 5 Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT** được ưu tiên xét tuyển vào các ngành đào tạo phù hợp, cụ thể:*

Giải khuyến khích HSG quốc gia, quốc tế hoặc giải tư cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **1.5** điểm.

4.4. Đối với các thí sinh quy định tại Mục 2, Mục 3 Phụ lục này được ưu tiên xét tuyển vào các chương trình, ngành đào tạo phù hợp.

Cộng điểm không quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (thang điểm 30), cụ thể:

- Giải nhất (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **2.5** điểm;
- Giải nhì (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **2.0** điểm;
- Giải ba (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1.5** điểm;

- Giải khuyến khích/Giải tư (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1.0** điểm;

Riêng đối với nhóm thí sinh đã tham gia Chương trình VNU 12+, đơn vị có thể cộng điểm thưởng theo nguyên tắc sau: Thí sinh được lựa chọn kết quả học tập của 3 học phần trong chương trình đào tạo đại học đã tích lũy để tính GPA xác định điểm cộng, với mức điểm cộng như sau: GPA đạt loại xuất sắc được cộng **2.5** điểm, GPA đạt loại giỏi được cộng **2.0** điểm và GPA đạt loại khá được cộng **1.5** điểm.

Ngoài ra, đơn vị cần quy định cụ thể các tiêu chí xét tuyển dựa trên kết quả học tập, thứ tự ưu tiên xét tuyển theo kết quả cuộc thi, giải thưởng thí sinh đạt được và các tiêu chí phụ khác (nếu có).

Lưu ý:

- *Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3.0 điểm đối với thang điểm 30). Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này. Thí sinh đạt nhiều thành tích, có nhiều điểm cộng nhưng chỉ được tính 01 lần với mức điểm/thành tích cao nhất;*
- *ĐHQGHN không xét cộng điểm ưu tiên đối với các cuộc thi **HSG hệ Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương** (tổ chức độc lập với cuộc thi HSG cấp tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương).*